

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT
TỈNH LÂM ĐỒNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc.**

Bản án số: 51/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 18 - 8 - 2020

V/v: “*Xin ly hôn*”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ LẠT, TỈNH LÂM ĐỒNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Phan Ngọc Hòa

Ông Vương Xuân Tượng

- Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Vân Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt.

Ngày 18 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Lạt, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 323/2020/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 6 năm 2020 về việc “*Xin ly hôn*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 62/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Lương Văn Th, sinh năm 1962

Địa chỉ: Căn hộ CT 2 - Phòng 301, khu nhà ở Bắc Hà, Phường M, Quận H, thành phố H

- Bị đơn: Bà Lê Thị Thúy V, sinh năm: 1965.

Địa chỉ: Số 44 đường Xô Viết Nghệ Tĩnh, Phường G, thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng.

(*Ông Th có đơn xin vắng mặt, bà V có mặt*)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn ông Lương Văn Th và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án thì:

Ông Lương Văn Th và bà Lê Thị Thúy V đăng ký kết hôn năm 1989, tại Ủy ban nhân dân UBND Phường Đồng Tiến, thị xã Hòa B, tỉnh H (tỉnh Hà Sơn B cũ). Hôn nhân tự nguyện, có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn cả hai sống và làm việc tại Hòa B đến năm 2007 thì vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống đến năm 2012 thì ông Th về lại Hà Nội sống. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do trong công việc cũng như cuộc sống hàng ngày, mỗi người suy nghĩ và làm theo ý của mình không chia sẻ từ tình

cảm đến công việc với nhau. Từ năm 2012 đến nay, ông Th sống tại Hà Nội, bà V sống tại thành phố Đ, cuộc sống của ai nấy lo, không quan tâm đến nhau, nên ông Th có nguyện vọng là được ly hôn với bà Lê Thị Thúy V.

- *Về con chung*: Ông Th xác định vợ chồng có 02 con chung là Lương Thị Phương Th, sinh ngày 19/5/1990 (hiện đã có chồng) và Lương Tuấn M, sinh ngày 10/7/1993, bị tàn tật, hiện đang ở với mẹ, vợ chồng cùng có trách nhiệm chăm sóc.

- *Về tài sản chung*: Ông Th xác định không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: ông Th xác định không có.

Theo tự khai của bị đơn bà Lê Thị Thúy V và các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì:

Bà và ông Th đăng ký kết hôn vào năm 1989, tại Ủy ban nhân dân Phường Đồng Tiến, thị xã Hòa B, tỉnh Hà Sơn B (nay là tỉnh Hòa B). Hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, cả hai sống tại tỉnh Hòa B đến năm 2007 thì vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Đến năm 2012 thì ông Th về lại Hà Nội sống. Cuộc sống chung hạnh phúc khoảng 08, 09 năm thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà sống ở thành phố Đ, ông Th sống ở Hà Nội nên tình cảm vợ chồng không còn gắn bó, cả hai sống ly thân 08 năm, không thể trở về chung sống cùng nhau. Nay bà nhận thấy cuộc sống chung không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn nên cũng đồng ý giải quyết ly hôn với ông Lương Văn Th.

- *Về con chung*: Bà V xác định vợ chồng có 02 con chung là Lương Thị Phương Th, sinh ngày 19/5/1990 (hiện đã có chồng) và Lương Tuấn M, sinh ngày 10/7/1993, bị tàn tật, hiện đang ở với mẹ, vợ chồng cùng có trách nhiệm chăm sóc suốt đời đối với cháu M.

- *Về tài sản chung*: Bà V tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về nợ chung*: Bà V xác định không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì ông Th có đơn xin vắng mặt.

Tại phiên tòa, bị đơn bà V đồng ý yêu cầu xin ly hôn của ông Th; bà yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lương Tuấn M bị thiếu năng trí tuệ; không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng:* Tại giai đoạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm, ông Th có đơn xin hòa giải và xét xử vắng mặt, nên căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Đ tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] *Về nội dung vụ án:* Ông Lương Văn Th và bà Lê Thị Thúy V kết hôn vào năm 1989, tại Ủy ban nhân dân Phường Đồng T, thị xã Hòa B, tỉnh Hà Sơn B (nay là tỉnh Hòa B). Hôn nhân tự nguyện và có tổ chức lễ cưới. Sau khi kết hôn, cả hai sống tại tỉnh Hòa B đến năm 2007 thì vào thành phố Đ, tỉnh Lâm Đồng sinh sống. Đến năm 2012 thì ông Th về lại Hà Nội sống. Cuộc sống chung hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do bà V sống ở thành phố Đ, còn ông Th sống ở Hà Nội nên tình cảm vợ chồng không còn gắn bó; không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau; cả hai đã sống ly thân 08 năm; ông Th yêu cầu ly hôn thì bà V cũng đồng ý; điều kiện hàn gắn tình cảm là khó có thể thực hiện, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho ông Th và bà V ly hôn với nhau là phù hợp.

[3] *Về con chung:* Cả hai xác định vợ chồng có 02 con chung là Lương Thị Phương Th, sinh ngày 19/5/1990 (hiện đã có chồng) và Lương Tuấn M sinh ngày 10/7/1993, bị thiểu năng trí tuệ, hiện đang ở với mẹ. Ly hôn, vợ chồng cùng có trách nhiệm chăm sóc suốt đời đối với cháu M. Tuy nhiên, hiện nay cháu Minh đang ở với bà V; bà V cũng có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu M, nên giao cho bà V là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp.

[4] *Về cấp dưỡng nuôi con:* Bà V không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[5] *Về tài sản chung:* Cả hai xác định tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

[6] *Về nợ chung:* Cả hai xác định không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[7] *Về án phí:* Ông Lương Văn Th phải chịu án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm b khoản 1 Điều 39 và khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51; 53; 54; 56; 81 và 82 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14 về án phí, lệ phí Tòa án;

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc “*Xin ly hôn*” của ông Lương Văn Th. Ông Lương Văn Th và Lê Thị Thúy V được ly hôn với nhau.

2. Về con chung: Giao cho bà Lê Thị Thúy V được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung là Lương Tuấn M, sinh ngày 10/7/1993 (bị thiếu năng trí tuệ) (cho đến khi có quyết định thay đổi người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con chung nếu có yêu cầu).

Việc quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con sau ly hôn, cấp dưỡng nuôi con và thăm nom con được thực hiện theo quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình.

3. Về án phí: Ông Lương Văn Th phải chịu 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) tiền án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000đ (*ba trăm ngàn đồng*) ông Th đã tạm nộp theo biên lai thu số 0017564 ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Đ. Ông Th đã nộp đủ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, bà V có quyền kháng cáo để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Lâm Đồng xét xử theo trình tự phúc thẩm. Riêng ông Th quyền kháng cáo trong thời hạn nêu trên kể từ ngày nhận được bản sao hoặc niêm yết bản án.

Trường hợp Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự. /.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh;
- VKS T.p Đ;
- Thi hành án;
- Các đương sự;
- UBND xã Đồng T, thị xã Hòa B, tỉnh Hòa B;
- Lưu HS, THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Huyền

